

Bản án số: 47/2021/HSST
Ngày: 21/6/2021.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Thanh;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Liêu;

Ông Nguyễn Mạnh Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Quốc Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tham gia phiên tòa:
Ông An Bắc Lùng - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 49/2021/HSST ngày 05 tháng 6 năm 2021. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2021/QĐXXST – HS ngày 09 tháng 6 năm 2021, đối với các bị cáo:

1. Phương Văn Q, sinh năm 1994, tại tỉnh Lạng Sơn.

Nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phương Mạnh C và bà Trần Thị B; bị cáo có vợ và 02 người con, lớn nhất sinh năm 2015, nhỏ nhất sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân: Ngày 25/02/2016, Phương Văn Q bị TAND huyện Đ, tỉnh Bình Phước tuyên phạt 01 năm tù về Tội trộm cắp tài sản, tại Bản án số 12/2016/HSST. Bị cáo đã chấp hành xong Bản án.

Ngày 06/9/2017, Phương Văn Q bị TAND tỉnh Bình Phước tuyên phạt 01 năm 08 tháng tù giam về Tội trộm cắp tài sản, tại Bản án số 65/2017/HSPT. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt ngày 06/9/2018 và đã đóng đầy đủ án phí.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 09/01/2021 đến nay, (có mặt).

2. Nguyễn Văn S (tên gọi khác: C), sinh năm 1990, tại tỉnh Bắc Giang.

Nơi cư trú: Thôn a, xã B, huyện Đ, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Làm rẫy, trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L và bà Đỗ Thị H; bị cáo có vợ Nguyễn Thị Ái D và 02 người con, lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2015; tiền sự: Không.

Tiền án: 02.

Ngày 22/6/2017, Nguyễn Văn S bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Phước xử phạt 09 tháng tù về Tội trộm cắp tài sản, tại Bản án số 66/2017/HSST. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt và đã đóng án phí.

Ngày 26/11/2018, Nguyễn Văn S bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xử phạt 09 tháng tù về Tội cố ý gây thương tích theo bản án số 76/2018/HSPT. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt ngày 19/11/2019, bị cáo chưa bồi thường thiệt hại và án phí.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/4/2021 cho đến nay, (có mặt).

- *Bị hại:* Anh Trần Hoàng N, sinh năm 1983 (Có mặt)

Địa chỉ: Khu Đ, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Nguyễn Thị Ái D, sinh năm 1989, (có mặt)

Địa chỉ: Thôn 3, xã B, huyện Đ, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 27/9/2020, Nguyễn Văn S (tên gọi khác là “Cò”) điều khiển xe mô tô (không rõ biển số) chở Phương Văn Q, đi từ thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Phước ra thị trấn Đ, huyện Đ chơi. Khi đến khu vực khu Đ, thị trấn Đ, huyện Đ thì Q thấy 01 xe mô tô biển số 93L1 - 433.XX của anh Trần Hoàng N, đang dựng trước cửa nhà (trên xe có cắm sẵn chìa khóa). Sau đó, Q xuống xe đi bộ vào hỏi mua nước uống nhưng không thấy ai trả lời nên Q lên xe mở khóa khởi động xe điều khiển chạy về hướng xã Đ, huyện Đ. Khi thấy, Q lấy trộm được xe chạy ra thì S điều khiển xe chạy theo phía sau, khi đến khu vực thôn 1, xã Minh Hưng, huyện Đ do sợ bị người dân phát hiện nên Q đổi xe cho S, S điều khiển xe mô tô lấy trộm được chạy trước, Q chạy theo sau. Cả hai chạy đến khu 21 hộ thuộc thôn Đăng Lang, xã Đ, huyện Đ mang xe mô tô vừa lấy trộm được cất giấu vào chòi rẫy của người dân. Đến sáng ngày 28/9/2020 Q liên hệ với Lý (chưa rõ nhân thân lý lịch) để bán xe, sau đó Q và S cùng nhau mang 02 chiếc xe (01 xe mô tô trộm được vào ngày 27/9/2020 và 01 xe mô tô cả 2 đã sử dụng để đi phạm tội) đi đến huyện Bù Đốp, trên đường đi Q gặp Lý đang đứng bên đường (không nhớ rõ địa điểm) nên Q và S bán 02 xe mô tô cho Lý với giá 8.600.000đ, S và Q chia đôi số tiền trên mỗi người 4.300.000 đồng để tiêu xài cá nhân, rồi cả 2 bắt xe đò đi về lại xã Đ.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 215/KL-ĐG ngày 01/10/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Đ, xác định: Xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave RSX, màu xám - đen, biển số 93L1- 433.XX tại thời điểm xảy ra tội phạm có giá trị là 25.000.000 đồng.

- Về vật chứng vụ án: Xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave RSX, màu xám đen, biển số 93L1- 433.XX Trần Hoàng N và 01 xe mô tô, không rõ biển số là phương tiện bị can sử dụng đi trộm cắp. Cơ quan CSĐT - Công an huyện Đ không thu hồi được nên không có căn cứ xử lý.

- Về trách nhiệm dân sự: Anh Trần Hoàng N yêu cầu các bị cáo Phương Văn Q và Nguyễn Văn S phải liên đới bồi thường số tiền 25.000.000 đồng. Ngày 19/5/2021, chị Nguyễn Thị Ái D (là vợ của bị cáo S) bồi thường 5.000.000, tại phiên Tòa chị Nguyễn Thị Ái D tiếp tục bồi thường số tiền 7.500.000 đồng cho anh N. Số tiền còn lại 12.500.000 bị cáo Phương Văn Q chưa bồi thường.

Tại Cáo trạng số 52/CT – VKS.BĐ ngày 04/6/2021, của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ truy tố bị cáo Nguyễn Văn S về Tội trộm cắp tài sản, quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự; tuy tố bị cáo Phương Văn Q về Tội trộm cắp tài sản, quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát khẳng định nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung Cáo trạng đã truy tố. Về tội danh đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn S và Phương Văn Q phạm Tội trộm cắp tài sản.

Về hình phạt, áp dụng g khoản 2 Điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2, Điều 51, Điều 17, Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S từ 24 đến 30 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2, Điều 51, Điều 17, Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Đề nghị xử phạt bị cáo Phương Văn Q từ 18 đến 21 tháng tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị buộc bị cáo Phương Văn Q bồi thường số tiền 12.500.000 đồng cho anh Trần Hoàng N.

Về hình phạt bổ sung: Do hai bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có con còn nhỏ nên không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung.

Các bị cáo Phương Văn Q và Nguyễn Văn S thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố, không có ý kiến tranh luận về tội danh, hình phạt và các vấn đề khác đối với đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Người bị hại có mặt tại phiên tòa yêu cầu các bị cáo phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan CSĐT - Công an huyện Đ, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Do lười lao động nhưng lại muốn có tiền tiêu xài và sử dụng ma túy. Vào khoảng 13 giờ ngày 27/9/2020, Phương Văn Q cùng Nguyễn Văn S trộm cắp 01 xe mô tô biển kiểm soát 93L1- 433.XX của anh Trần Hoàng N tại khu Đ, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Phước.q

Giá trị tài sản bị chiếm đoạt tại thời điểm xảy ra hành vi phạm tội là 25.000.000 đồng.

Lời khai nhận tội của hai bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại về thời gian, địa điểm và hành vi phạm tội.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở khẳng định hành vi của các bị cáo Nguyễn Văn S và Phương Văn Q đã phạm vào Tội trộm cắp tài sản. Bị cáo Nguyễn Văn S đã có 02 tiền án chưa được xóa án tích nên bị cáo phải chịu thêm tình tiết tăng nặng định khung “Tái phạm nguy hiểm” quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm;

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm

g) Tái phạm nguy hiểm.

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.”

Như vậy, nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hai bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, chỉ vì lười lao động nhưng lại muốn có tiền tiêu xài, các bị cáo đã lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến tài sản của người khác, đây là quyền về tài sản được pháp luật bảo vệ. Ngoài ra, hành vi của các bị cáo còn làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự, trị an tại địa phương.

Xét toàn bộ vụ án, tính chất mức độ phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Các bị cáo phạm tội với vai trò đồng phạm giản đơn, không có sự bàn bạc, phân công phân nhiệm cụ thể. Bản thân bị cáo Nguyễn Văn S có 02 tiền án về các Tội trộm cắp tài sản và Tội cố ý gây thương tích chưa được xóa án tích. Bị cáo không lấy đó làm bài học mà còn tiếp tục phạm tội, thể hiện bản tính coi thường pháp luật của bị cáo.

Đối với bị cáo Phương Văn Q bản thân bị cáo đã từng có 02 tiền án về Tội trộm cắp tài sản. Mặc dù đã được xóa án tích nhưng vẫn bị coi là có nhân thân không tốt.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn S và Phương Văn Q đã thành khẩn khai báo, các bị cáo có con còn nhỏ. Tại phiên tòa, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho hai bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Ngoài ra bị cáo Nguyễn Văn S đã tác động gia đình bồi thường khắc phục toàn bộ thiệt hại mà bị cáo gây ra, nên bị cáo được hưởng tình tiết bồi thường khắc phục hậu quả quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 51 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xét toàn bộ tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ mà các bị cáo được hưởng, Hội đồng xét xử thấy cần xử bị cáo một mức án tương xứng với hành vi phạm tội để giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 thì ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Tuy nhiên, do các bị cáo có con còn nhỏ, kinh tế khó khăn và là đối tượng nghiện ma túy không có thu nhập nên miễn chấp hành hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6] Về vật chứng vụ án: Xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave RSX, màu xám - đen, biển số 93L1- 433.XX Trần Hoàng N và 01 xe mô tô, không rõ biển số là phương tiện các bị cáo sử dụng đi trộm cắp tài sản. Cơ quan CSĐT - Công an huyện Đ không thu hồi được nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự năm 2015.

Cần buộc bị cáo Phương Văn Q phải trả cho anh Trần Hoàng N số tiền 12.500.000 đồng.

[8] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Đối với người tên Lý không rõ nhân thân, lý lịch mua 02 xe mô tô do Q và S mang bán. Quá trình điều tra xác định Q gọi điện cho Lý nhưng điện thoại của Q bị mất, Q không nhớ số điện thoại của mình và của Lý, nên Cơ quan CSĐT - Công an huyện Đ tách ra tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau.

Đối với quan điểm xử lý vụ án của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Về tội danh và hình phạt: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn S và Phương Văn Q phạm Tội trộm cắp tài sản.

* Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2, Điều 51, Điều 17, Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S (tên gọi khác: Cò) 02 năm (hai năm) tù, thời hạn tù tính từ ngày 24/4/2021.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2, Điều 51, Điều 17, Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017

Xử phạt bị cáo Phương Văn Q 01 năm, 06 tháng (một năm, sáu tháng) tù, thời hạn tù tính từ ngày 09/01/2021.

[2] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tuyên buộc bị cáo Phương Văn Q phải trả cho anh Trần Hoàng N số tiền 12.500.000 đồng.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn thi hành án theo mức lãi suất cơ bản do N hàng nhà nước quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

[3] Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Nguyễn Văn S và Phương Văn Q mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo Phương Văn Q phải chịu 625.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND tỉnh Bình Phước.
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước;
- Công an tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đăng;
- CQ CSĐT Công an h. BĐ;
- CCTHADS huyện Bù Đăng;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Khắc Thanh